

Số: 10/2024/QĐST-HNGĐ

Quận G, ngày 04 tháng 01 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN  
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 7 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ vào các Điều 212, 213 và Khoản 4 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;  
Căn cứ vào các Điều 51, 55, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có hiệu lực thi hành ngày 01/01/2015;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 743/2023/TLST – HN ngày 06/12/2023 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

*Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Bà Nguyễn Thị Thùy N, sinh năm 1982

- Ông Trần Thanh T, sinh năm 1979

Cùng địa chỉ: Số G đường C, phường P, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Người yêu cầu các đương sự cư trú tại Quận G và có đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, căn cứ Khoản 2 Điều 29, Điều 35; Điểm h Khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì yêu cầu của các đương sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 7 Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T xác lập quan hệ hôn nhân vào năm 2012, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật (Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/2012, đăng ký ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh). Căn cứ Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình đây là hôn nhân hợp pháp.

Quá trình chung sống bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T có phát sinh mâu thuẫn, cả hai đều nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T thật sự không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

[3] Về con chung: Căn cứ giấy khai sinh số 409, quyển số 02/2009 đăng ký ngày 18/11/2009 tại Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cùng với lời trình bày của các đương sự xác nhận bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T 01 (một) con chung họ và tên Trần Anh T1 (nam), sinh ngày 24/6/2009.

Sau khi ly hôn, bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T thống nhất thỏa thuận giao con chung cho bà Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng, bà Nguyễn Thị Thùy N không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự nên chấp nhận.

[4] Về tài sản chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét .

[5] Về nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên không xét.

[6] Về lệ phí việc dân sự: Các đương sự phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể:

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T xác nhận thuận tình ly hôn (Giấy chứng nhận kết hôn số 154, quyển số 01/2012 đăng ký ngày 19/11/2012 tại Ủy ban nhân dân Phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh).

1.2. Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy N và ông Trần Thanh T xác nhận có 01 (một) con chung họ và tên Trần Anh T1 (nam), sinh ngày 24/6/2009.

Sau khi ly hôn, cả hai thống nhất thỏa thuận giao con chung họ và tên Trần Anh T1 (nam), sinh ngày 24/6/2009 cho bà Nguyễn Thị Thùy N trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị Thùy N không yêu cầu ông Trần Thanh T cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Trần Thanh T có quyền đi lại thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

1.3. Về tài sản chung: Không có.

1.4. Về nợ chung: Không có.

1.5. Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Các đương sự chịu lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí số AA/2023/0037670 ngày 06/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Các đương sự đã nộp đủ lệ phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

2. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Ngọc San H**